

Bài 5

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Thời gian thực hiện dự kiến: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.
- Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.
- Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.
- Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường.
- Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học: tự thực hiện được các nhiệm vụ học tập được giao.
 - + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày và giải thích mối quan hệ nhân quả giữa suy
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của Địa lí học như biểu đồ, bảng số liệu để chứng minh, giải thích hiện tượng tự nhiên.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Video về suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường.
- Biểu đồ, bảng số liệu về sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.
- Hình ảnh minh họa về tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).
- Giấy A4.

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về tài nguyên thiên nhiên và môi trường đến nội dung bài học.
- Tạo hứng thú cho HS ới nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV sử dụng một số thông tin mới nhất về tình trạng suy giảm tài nguyên thiên nhiên hoặc ô nhiễm môi trường và đặt câu hỏi: *Tại sao có tình trạng đó? Chúng ta cần làm gì để giải quyết tình trạng đó?*
- Bước 2: HS huy động sự hiểu biết của bản thân, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: GV từ câu trả lời của HS dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

Sử dụng kỹ thuật hội chợ để trưng bày sản phẩm và HS báo cáo.

Tiết 1: GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS thực hiện. HS triển khai nhiệm vụ.

Tiết 2: HS thực hiện, hoàn thành sản phẩm.

Tiết 3: HS báo cáo kết quả. GV đánh giá, tổng kết.

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ. GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm có 4 – 5 HS. Một nhiệm vụ có thể do 2 – 3 nhóm thực hiện độc lập:

- + Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất.
- + Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật.
- + Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên nước.
- + Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu về vấn đề bảo vệ môi trường.

Sản phẩm: video, tập hình ảnh, poster, báo cáo,...

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Từng HS xác định vấn đề cần giải quyết. Cả nhóm thảo luận, thống nhất cách tìm thông tin và giải quyết vấn đề.
- Bước 3: Báo cáo sản phẩm: Các nhóm trưng bày sản phẩm. Tất cả HS đi “tham quan”, đọc thông tin trong các sản phẩm và điền vào phiếu học tập (phụ lục 1). HS đặt câu hỏi cho các nhóm để hiểu rõ hơn cách giải quyết vấn đề.
- Bước 4: Tổng kết, đánh giá.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học giải thích mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV có thể tổ chức thảo luận cả lớp, trả lời câu hỏi trong SGK.
- Bước 2: HS ghi chép ý kiến cá nhân vào vở và trao đổi với cả lớp.
- Bước 3: Một số HS trình bày.
- Bước 4: GV tổng kết, đánh giá.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn tuyên truyền.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- Bước 2: HS thực hiện tại nhà.
- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý bài cho HS.

Phụ lục 1:

PHIẾU HỌC TẬP

Học sinh: Lớp:

1. Vấn đề

- Biểu hiện:

.....
.....
.....

- Nguyên nhân:

.....
.....
.....
.....
.....

- Giải pháp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Câu hỏi:

.....

.....

.....

.....

.....

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên **không** đặt ra đối với tài nguyên nào sau đây?

- A. Tài nguyên đất.
- B. Tài nguyên nước.
- C. Tài nguyên sinh vật.
- D. Tài nguyên khí hậu.

Câu 2. Hiện tượng nào sau đây **không** thể hiện sự suy thoái tài nguyên đất?

- A. Bồi tụ phù sa hàng năm.
- B. Xói mòn, sạt lở.
- C. Hoang hoá, sa mạc hoá.
- D. Nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Câu 3. Giải pháp quan trọng nhất để hạn chế phèn hoá, mặn hoá là

- A. trồng cây gây rừng.
- B. phát triển mạng lưới thuỷ lợi.
- C. xen canh, tăng canh.
- D. chuyên canh, thâm canh.

Câu 4. Hiện trạng diện tích rừng của nước ta hiện nay là

- A. giảm tổng diện tích so với năm 1943.
- B. tăng diện tích rừng tự nhiên.
- C. tăng cả diện tích tự nhiên và diện tích rừng trồng.
- D. tăng diện tích rừng trồng và giảm diện tích rừng tự nhiên.

Câu 5. Hiện tượng thiếu nước ngọt cho sản xuất diễn ra phổ biến ở

- A. đồng bằng sông Hồng.
- B. đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Bắc.
- D. Trường Sơn Bắc.

Câu 6. Tình trạng ô nhiễm không khí đáng báo động ở các đô thị lớn là

- A. khí thải công nghiệp.
- B. khói đốt rơm rạ.
- C. bụi khai thác đá.
- D. bụi mịn.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm dân số.
- Phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số.
- Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương.
- Vẽ được biểu đồ về dân số.
- Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam.
- Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học: xác định được nhiệm vụ học tập, đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn về các nội dung dân số ở nước ta.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: đọc được bản đồ phân bố dân cư Việt Nam, rút ra đặc điểm phân bố dân cư Việt Nam.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tháp dân số) để phân tích được đặc điểm dân số Việt Nam.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, tìm kiếm chọn lọc thông tin để viết báo cáo.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm thực hiện đúng, tuyên truyền chính sách dân số của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021.
- Tranh ảnh, video,... về lao động, việc làm nước ta.
- Bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh,... có nội dung liên quan.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về dân số Việt Nam với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b) Tổ chức thực hiện

GV có thể tổ chức chơi trò chơi giải ô chữ với các từ khoá liên quan đến bài học hoặc cho HS xem một số hình ảnh về dân cư Việt Nam, đặt câu hỏi gợi mở cho HS để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu đặc điểm dân số, phân bố dân cư Việt Nam

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm dân số Việt Nam về quy mô, gia tăng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, phân tích bản đồ, biểu đồ, tháp dân số để hoàn thành nội dung sau:
 - + Quy mô và gia tăng dân số.
 - + Cơ cấu dân số (theo tuổi, theo giới tính, theo dân tộc, theo trình độ học vấn).
 - + Phân bố dân cư.
- Bước 2: HS tự làm việc cá nhân, viết vào vở nội dung tìm hiểu được.
- Bước 3: HS trao đổi bài, nhận xét, góp ý cho nhau.
- Bước 4: GV tổng kết, đánh giá.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu thế mạnh và hạn chế về dân số

a) Mục tiêu

Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về dân số của nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK, tóm tắt thế mạnh và hạn chế về dân số của nước ta dưới hình thức bảng tóm tắt hoặc sơ đồ tư duy.
- Bước 2: HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.
- Bước 3: Một số HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

- Thế mạnh:

- + Dân số là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước: thị trường tiêu thụ hàng hoá, tăng hấp dẫn đầu tư, người Việt ở nước ngoài là nguồn lực quan trọng.
- + Quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số vàng nên nước ta có nguồn lao động dồi dào phục vụ phát triển nền kinh tế đa ngành.
- + Mức sinh thấp, dân số tăng chậm tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng dân cư.

- Hạn chế:

- + Quy mô dân số lớn và tăng lên hằng năm nảy sinh thách thức về an ninh lương thực, năng lượng; đảm bảo việc làm, giáo dục, y tế; sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường,...
- + Số lượng và tỉ lệ người cao tuổi ngày càng lớn, đòi hỏi tăng chi phí cho an sinh xã hội, dịch vụ y tế,...
- + Phân bố dân cư chênh lệch lớn gây ra nhiều thách thức về khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội.

2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu chiến lược dân số của Việt Nam

a) Mục tiêu

Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận cả lớp, chủ đề thảo luận: “Chiến lược và giải pháp phát triển dân số Việt Nam là gì?”.
- Bước 2: HS tự viết chiến lược và giải pháp vào vở. HS đối chiếu thông tin trong SGK, tự chỉnh sửa và tham gia thảo luận cùng cả lớp.
- Bước 3: GV điều khiển cuộc thảo luận.

- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

- Mục tiêu chiến lược dân số:

+ Duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

+ Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người.

+ Đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lí.

+ Nâng cao chất lượng dân số.

+ Thúc đẩy phân bố dân số hợp lí và bảo đảm quốc phòng an ninh.

+ Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Giải pháp:

+ Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số.

+ Đẩy mạnh giáo dục, truyền thông về dân số và phát triển.

+ Phát triển mạng lưới dịch vụ nâng cao chất lượng dân số.

+ Bảo đảm đủ nguồn lực cho công tác dân số.

+ Tăng cường hợp tác khu vực, quốc tế trong lĩnh vực dân số.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kĩ năng đã học để nhận xét biểu đồ dân số.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân làm bài luyện tập trong SGK.

- Bước 2: HS làm bài ra giấy.

- Bước 3: HS trình bày kết quả, tự chữa cho nhau theo bàn.

- Bước 4: GV thu bài, chấm, chữa cho HS.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để viết báo cáo, liên hệ thực tế về đặc điểm dân số ở địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.

- Bước 2: HS viết báo cáo tại nhà.

- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

- Bước 4: GV đánh giá và nhận xét.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng về tình hình gia tăng dân số nước ta hiện nay?

- A. Số dân tăng, tỉ lệ tăng dân số tăng.
- B. Số dân giảm, tỉ lệ tăng dân số giảm.
- C. Tỉ lệ tăng dân số giảm, số dân ổn định.
- D. Số dân tiếp tục tăng, tỉ lệ tăng dân số giảm dần.

Câu 2. Cơ cấu dân số nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cơ cấu giới tính khá cân bằng.
- B. Cơ cấu theo tuổi bắt đầu già hoá.
- C. Cơ cấu theo dân tộc đa dạng.
- D. Cơ cấu theo lãnh thổ không đều.

Câu 3. Cơ cấu dân số theo tuổi của nước ta là

- A. cơ cấu dân số vàng.
- B. cơ cấu dân số trẻ.
- C. cơ cấu dân số già.
- D. cơ cấu dân số ổn định.

Câu 4. Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta (năm 2021) là

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Câu 5. Ý nào sau đây **không** đúng về mục tiêu của chiến lược dân số của Việt Nam?

- A. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế.
- B. Phát triển dân số các dân tộc thiểu số.
- C. Nâng cao chất lượng dân số nước ta.
- D. Truyền thông về dân số và phát triển.

Bài 7

LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

(Thời gian thực hiện dự kiến: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động.
- Phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta.
- Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.
- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.
- Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm.
- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.

2. Năng lực

- Năng lực chung: phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề lao động và việc làm ở nước ta.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: xác định được sự phân bố nguồn lao động ở nước ta.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tháp dân số) để phân tích được đặc điểm lao động và việc làm nước ta.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế địa phương về vấn đề lao động và việc làm.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm tham gia lao động để xây dựng và phát quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Biểu đồ, bảng số liệu về lao động.
- Tranh ảnh, video,... về lao động, việc làm ở nước ta.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).
- Máy tính, thước kẻ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về lao động việc làm Việt Nam với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV sử dụng các câu hỏi gợi mở trong SGK.
- Bước 2: HS huy động kiến thức, suy nghĩ tìm câu trả lời.
- Bước 3: HS trả lời theo hiểu biết của bản thân.
- Bước 4: GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu đặc điểm nguồn lao động Việt Nam

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm nguồn lao động của nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức HS làm việc các nhân hoặc cặp đôi, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, trình bày đặc điểm lao động của nước ta.
- Bước 2: HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi, ghi kết quả ra giấy nháp.
- Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc, các HS khác nhận xét và bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

- Số lượng: Nguồn lao động dồi dào, đang tăng lên.
- Chất lượng:
 - + Cần cù, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...
 - + Năng động, dễ dàng tiếp thu khoa học – công nghệ hiện đại trong sản xuất.
 - + Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.
 - + Chất lượng lao động có sự phân hoá theo vùng.
 - + Hạn chế: thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động công nghiệp.
- Phân bố:
 - + Đồng bằng sông Hồng có số lượng lao động lớn nhất cả nước.
 - + Lao động chủ yếu sống ở nông thôn chiếm hơn 63%.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu về vấn đề sử dụng lao động

a) Mục tiêu

Phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV gợi ý HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:

+ Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế có xu hướng chuyển dịch ra sao?

+ Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế thể hiện điều gì?

+ Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn ở nước ta.

- Bước 2: HS làm việc cá nhân, phân tích bảng số liệu, biểu đồ trong SGK để trả lời câu hỏi.

- Bước 3: Một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

- Theo ngành kinh tế: Cơ cấu lao động nước ta có sự chuyển dịch phù hợp với đường lối phát triển kinh tế - xã hội đất nước: giảm tỉ lệ lao động ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỉ lệ lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.

- Theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng giảm tỉ lệ lao động khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ lệ lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

- Theo thành thị, nông thôn: Lao động nông thôn chiếm tỉ lệ lớn nhưng đang có xu hướng giảm.

2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu vấn đề việc làm và hướng giải quyết

a) Mục tiêu

- Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.

- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức thảo luận cả lớp, gợi ý nội dung thảo luận:

+ Vấn đề việc làm của nước ta hiện nay như thế nào?

+ Một số giải pháp để giải quyết việc làm ở nước ta.

- Bước 2: HS tham khảo thông tin SGK và hiểu biết cá nhân để tham gia thảo luận cùng cả lớp.

- Bước 3: GV điều khiển cuộc thảo luận.

- Bước 4: GV đánh giá tổng kết nội dung.

- Vấn đề việc làm: Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm khá thấp. Khu vực thành thị thường có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn. Các việc làm giản đơn còn phổ biến.

- Giải pháp:

+ Hoàn thiện chính sách, luật pháp về lao động nhằm khuyến khích, hỗ trợ, huy động mọi nguồn lực đầu tư tạo việc làm.

+ Đẩy mạnh việc đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng lao động.

+ Phát triển hệ thống tư vấn, thông tin về thị trường lao động, việc làm.

+ Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

+ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động.

3. Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kỹ năng đã học, vẽ biểu đồ và nhận xét về cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hằng năm phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2021.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm bài luyện tập trong SGK.

- Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài vào vở.

- Bước 3: HS tự chấm, chữa, hoàn thiện bài.

- Bước 4: GV đánh giá, nhận xét.

- Vẽ biểu đồ tròn, bán kính đường tròn năm 2021 lớn hơn năm 2000.

- Nhận xét: Cơ cấu sử dụng lao động có xu hướng chuyển dịch: giảm nhanh tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học, tìm hiểu về một số ngành nghề mới có nhiều cơ hội việc làm ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.

- Bước 2: HS thu thập thông tin và chia sẻ kết quả với bạn trong lớp.
- Bước 3: HS trình bày trước lớp vào buổi học sau.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Trả lời các câu hỏi sau:

- Mỗi năm nguồn lao động nước ta tăng thêm khoảng:

.....

- Lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất:

.....

- Lao động nước ta chủ yếu sinh sống ở khu vực:

.....

- Tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng:

.....

- Thành phần kinh tế có tỷ lệ lao động lớn nhất là:

.....

- Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của nước ta là:

.....

- Một số hướng để giải quyết vấn đề việc làm của nước ta là:

.....

.....

.....

.....

Bài 8

ĐÔ THỊ HOÁ

(Thời gian thực hiện dự kiến: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị.
- Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hoá ở nước ta.
- Viết được báo cáo giới thiệu về chủ đề đô thị hoá ở Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua sự chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trao đổi với bạn và thảo luận cả lớp.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: xác định được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (bảng số liệu, bản đồ) để phân tích được đặc điểm đô thị hoá và phân bố đô thị ở nước ta.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế viết báo cáo về đô thị hoá ở nước ta.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực.
- Có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.
- Bảng số liệu về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị, bảng số lượng đô thị và số dân đô thị theo vùng của nước ta năm 2021.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).
- Máy tính bỏ túi, thước kẻ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về đô thị hoá với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV đặt câu hỏi cho HS: *Ở lớp 10 các em được học về đô thị hoá, vậy đô thị hoá có đặc điểm nào? Đô thị hoá có tác động như thế nào đến kinh tế, xã hội và môi trường?*
- Bước 2: HS huy động kiến thức và hiểu biết của bản thân, tìm câu trả lời.
- Bước 3: GV mời một số HS giơ tay nhanh nhất trả lời.
- Bước 4: GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV gợi ý HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ: Trình bày đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.
- Bước 2: HS nghiên cứu thông tin, làm việc cá nhân.
- Bước 3: Một số HS trình bày về đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

Đặc điểm đô thị hoá Việt Nam:

- Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Kinh tế phát triển, nhiều đô thị được đầu tư quy hoạch đồng bộ về cơ sở hạ tầng.

Tỉ lệ dân thành thị giữa các vùng có sự khác biệt. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của Đông Nam Bộ là 66,4%, Trung du và miền núi Bắc Bộ là 20,5%.

- Mạng lưới đô thị ngày càng mở rộng và thay đổi chức năng: Tổng số đô thị nước ta năm 2021 là 749 đô thị. Các đô thị không chỉ có chức năng hành chính mà còn là trung tâm kinh tế, văn hoá, đổi mới sáng tạo có ý nghĩa thu hút đầu tư và lan toả sự phát triển đến các địa phương lân cận.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu về mạng lưới đô thị Việt Nam

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV hướng dẫn HS, phân tích bản đồ để rút ra đặc điểm phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, viết thông tin phân tích được vào vở.

– Bước 3: HS đọc kết quả tìm hiểu. Các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

– Số lượng đô thị tăng khá nhanh.

– Phân loại đô thị:

+ Dựa trên các tiêu chí về vị trí, chức năng, vai trò; quy mô và mật độ dân số; tỉ lệ lao động phi nông nghiệp; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan, đô thị nước ta được phân thành 6 loại: Loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V.

+ Về phương diện quản lí, cấp Trung ương quản lí Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. Cấp tỉnh quản lí các thành phố trực thuộc tỉnh (đô thị loại I, loại II, loại III) và thị xã (đô thị loại III, loại IV). Cấp huyện quản lí các thị trấn (đô thị loại IV, loại V).

2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu ảnh hưởng của đô thị hoá

a) Mục tiêu

Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế – xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV cung cấp một số thông tin về sự phát triển, mở rộng các đô thị, sự thay đổi lối sống của cư dân thành thị,... GV đặt vấn đề: *Đô thị hoá ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta?*

– Bước 2: HS tham khảo thông tin SGK và hiểu biết cá nhân để tham gia thảo luận cùng cả lớp.

– Bước 3: GV điều khiển cuộc thảo luận.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết.

- Ảnh hưởng tích cực:

+ Dịch chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao hơn, từ đó nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

+ Là động lực phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương. Năm 2021, đô thị đóng góp tới 70% GDP, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh.

+ Tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội, như: điện nước, đường sá,...

- Ảnh hưởng tiêu cực: Đô thị hoá diễn ra tự phát, không theo quy hoạch gây sức ép việc làm, quá tải về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật, nảy sinh các vấn đề an ninh xã hội và ô nhiễm môi trường,...

3. Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập.

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học, tổng hợp về ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ luyện tập trong SGK.

- Bước 2: HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ ra vở.

- Bước 3: HS trình bày kết quả.

- Bước 4: GV quan sát, góp ý cho bài làm của HS.

4. Hoạt động 4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học, tìm hiểu về một đô thị ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà:

+ Suu tầm thông tin và giới thiệu về một đô thị ở nước ta mà em quan tâm.

+ GV gợi ý những nguồn thông tin HS có thể tham khảo.

- Bước 2: HS thu thập thông tin và chia sẻ kết quả với bạn trong lớp.

- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Ý nào **không** đúng khi nói về đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam?

- A. Đô thị hoá do dân nông thôn di cư ò ạt ra thành phố.
- B. Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Nhiều đô thị được quy hoạch đồng bộ về cơ sở hạ tầng.
- D. Số lượng đô thị ngày càng mở rộng và thay ðổi chức năng.

Câu 2. Điền nội dung phù hợp vào chỗ trống.

- Số lượng đô thị của nước ta:

.....

- Vùng có số lượng đô thị nhiều nhất cả nước là:

.....

- Vùng có số lượng thành phố nhiều nhất là:

.....

- Thành phố có quy mô dân số lớn nhất nước ta là:

.....

- Kể tên 5 thành phố trực thuộc Trung ương:

.....

Bài 9

THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT CHỦ ĐỀ DÂN CƯ Ở VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện dự kiến: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Viết được báo cáo giới thiệu về một chủ đề dân cư ở Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung: phát triển năng lực tự chủ và tự học, điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân để thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực đặc thù: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế viết báo cáo về chủ đề dân cư ở nước ta.

3. Phẩm chất

Có ý thức tự học, tự rèn luyện kỹ năng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

HS xác định được nhiệm vụ cần giải quyết trong bài học. HS có hứng thú tìm hiểu các chủ đề dân cư Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

GV có thể sử dụng một đoạn video clip có nội dung về một trong các vấn đề: gia tăng dân số, cơ cấu dân số vàng, lao động, việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam để gợi mở về các chủ đề có thể viết báo cáo.

2. Hoạt động 2: Hoạt động thực hành

a) Mục tiêu

Tìm kiếm, hệ thống hoá thông tin và viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS viết báo cáo từ trước. GV gợi ý HS tham khảo chủ đề, nguồn tư liệu như trong SGK.

- Bước 2: HS viết báo cáo, hoàn thiện sản phẩm.
- Bước 3: Một số HS trình bày báo cáo trước lớp.
- Bước 4: GV nhận xét cách thức làm việc, sản phẩm báo cáo của HS. GV hướng dẫn HS tự chấm điểm vào phiếu đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Họ tên HS : Lớp:

Tiêu chí	Chấm điểm	Điểm tuyệt đối	Điểm chấm
Nội dung	Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng	2	
	Nội dung phong phú, chính xác	2	
	Các nguồn thông tin đáng tin cậy	1	
	Có nhiều dạng thông tin: hình ảnh, số liệu,...	1	
Hình thức	Trình bày khoa học	1	
	Có tính thẩm mỹ, sáng tạo	1	
Báo cáo	Trình bày báo cáo rõ ràng	1	
	Trả lời câu hỏi chính xác, dễ hiểu	1	
Tổng hợp		10	

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.
- Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta.
- Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.
- Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học: vận dụng kiến thức về cơ cấu kinh tế đã học ở lớp 10 vào thực tế chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam.
 - + Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi làm việc nhóm.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta.
 - + Tìm hiểu địa lí: vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
 - + Giao tiếp và hợp tác: tham gia nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm thực hiện những chính sách kinh tế của đất nước và địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Tranh ảnh và thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế của Việt Nam.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Gọi mở nội dung bài học mới.
- Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV sử dụng các hình ảnh hoặc thông tin thể hiện thành tựu kinh tế đất nước thời gian qua, đặt câu hỏi cho HS: *Những hình ảnh hoặc thông tin trên cho biết điều gì về kinh tế đất nước ta thời gian qua?*
- Bước 2: HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta

a) Mục tiêu

Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc SGK, triển khai các ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. Sau khi phân tích, HS tự đưa ra kết luận chung.
- Bước 2: HS có thể trình bày dưới dạng sơ đồ hoặc bài viết: Ví dụ: Phát huy lợi thế so sánh: phát huy lợi thế vị trí địa lý để phát triển giao thông vận tải, thương mại; phát huy lợi thế lao động trẻ, năng động để phát triển các ngành kinh tế hiện đại,...
- Bước 3: Một số HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung.
- Bước 4: GV đánh dấu và khẳng định: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế – xã hội đất nước ta.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta

- Bước 1: GV tổ chức HS làm việc theo nhóm mảnh ghép. GV chia lớp thành các nhóm, tối đa 5 HS mỗi nhóm. Mỗi HS ở nhóm mảnh ghép được đánh số từ 1 đến 5, để thuận tiện chuyển sang nhóm chuyên gia.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

+ Vòng chuyên gia:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.

Mỗi nhiệm vụ có thể có 2, 3 nhóm thực hiện. Tất cả HS phải viết nội dung tìm hiểu được vào vở.

+ Vòng mảnh ghép: Thành viên nhóm mảnh ghép đã thực hiện cả 3 nhiệm vụ ở vòng chuyên gia.

Nhiệm vụ nhóm mảnh ghép: Chứng minh rằng cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Sản phẩm của nhóm mảnh ghép được viết ra giấy A0.

- Bước 3: Đại diện một nhóm báo cáo. Các nhóm khác góp ý, bổ sung.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- Hệ thống hoá kiến thức đã học.
- Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm bài luyện tập trong SGK. HS làm việc cá nhân.
- Bước 2: HS tự vẽ biểu đồ ra giấy.
- Bước 3: Một số HS trình bày kết quả.
- Bước 4: GV thu bài, chấm chữa cho từng HS.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS trình bày trước lớp vào buổi học sau.
- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Ý nào sau đây **không** thể hiện ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta?

- A. Phát triển đa dạng, tăng cường chuyển đổi số.
- B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

C. Phát huy các lợi thế so sánh, các nguồn lực của đất nước.

D. Tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ, tăng năng suất lao động.

Câu 2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chủ yếu dựa vào

A. áp dụng khoa học – công nghệ.

B. nâng cao chất lượng lao động.

C. sự phát triển công nghiệp, dịch vụ.

D. tăng cường cơ sở hạ tầng, kĩ thuật.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành là

A. đường lối phát triển nền kinh tế mở.

B. tăng cường mở cửa, hội nhập quốc tế.

C. thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

D. khai thác hiệu quả các thế mạnh của đất nước.

Câu 4. Nhóm ngành dịch vụ phát triển theo hướng nào sau đây?

A. Đa dạng, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại.

B. Liên kết với công nghiệp chế biến, mở rộng dịch vụ.

C. Ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất lao động.

D. Khu vực hoá, quốc tế hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Câu 5. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ **không** bao gồm ý nào sau đây?

A. Đạt hiệu quả cao về kinh tế – xã hội.

B. Nắm giữ những ngành kinh tế chủ chốt.

C. Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

D. Khai thác tốt hơn lợi thế của các lãnh thổ.

Bài 11, 12

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

(Thời gian thực hiện dự kiến: 5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta.
- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,...
- Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta.
- Trình bày được vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Giao tiếp và hợp tác: trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong bài học.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống về chủ đề nông nghiệp.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích được đặc trưng trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta (thế mạnh, hạn chế, sự phát triển, phân bố và xu hướng phát triển).
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... để trình bày sự phát triển, phân bố các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

3. Phẩm chất

- Có ý thức đóng góp vào sự phát triển của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Có ý thức trong phát triển nông nghiệp xanh, an toàn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu,...
- Tư liệu dạy học.
- Phiếu học tập, phiếu đánh giá.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Gợi mở nội dung bài học mới.
- Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV đưa ra câu hỏi: *Nền kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp nước ta đang chuyển dịch và phát triển như thế nào?*
- Bước 2: HS suy luận từ hiểu biết của mình, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: GV từ câu trả lời của HS dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

a) Mục tiêu

Phân tích được đặc trưng trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của nước ta (thế mạnh, hạn chế, sự phát triển, phân bố và xu hướng phát triển).

b) Tổ chức thực hiện

Tiết 1: GV giao nhiệm vụ, chia nhóm, hướng dẫn HS thực hiện.

Tiết 2: HS tự làm việc trên lớp.

Tiết 3, 4: Các nhóm HS báo cáo, GV tổng kết, đánh giá.

- Bước 1: GV chia nhóm, mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS và đảm bảo mỗi nhóm có trình độ, điều kiện học tập tương đương nhau. GV giao các nhóm làm việc độc lập, 2 – 3 nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ.

+ Nhiệm vụ nhóm:

Nhiệm vụ 1: Phân tích sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt.

Nhiệm vụ 2: Phân tích sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi.

Nhiệm vụ 3: Phân tích sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp.

Nhiệm vụ 4: Phân tích sự phát triển và phân bố ngành thủy sản.

+ Nội dung tìm hiểu của từng nhiệm vụ: thế mạnh và hạn chế; hiện trạng phát triển: thành tựu, cơ cấu, sự chuyển dịch cơ cấu, sự phát triển từng phân ngành; phân bố; xu hướng phát triển.

+ Sản phẩm: báo cáo, bài trình bày trước lớp.

– Bước 2: HS đọc SGK, kết hợp thông tin tự tìm hiểu, thực hiện nhiệm vụ nhóm.

– Bước 3: HS báo cáo kết quả. Khi các nhóm báo cáo, HS vừa nghe, vừa ghi chép vào phiếu học tập (phụ lục 1) và phiếu đánh giá (phụ lục 2).

– Bước 4: GV tổng kết, đánh giá. GV yêu cầu HS sửa chữa bài làm theo góp ý của nhóm bạn và GV, tập hợp các bài làm thành tài liệu học tập cho cả lớp.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta

a) Mục tiêu

Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: *Dựa vào thông tin đã tìm hiểu về đặc trưng phát triển của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, em hãy nêu xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta.*

– Bước 2: HS làm việc cá nhân, tự viết câu trả lời vào vở.

– Bước 3: GV gọi 1 số HS trả lời. Những HS khác góp ý, bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

2. Xu hướng phát triển trong nông nghiệp

– Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh.

– Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường.

– Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hiện đại với cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ.

2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng.

a) Mục tiêu

– Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

– Trình bày được vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng.

b) Tổ chức thực hiện

Tiết 5 của chủ đề:

- Bước 1: GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, thực hiện nhiệm vụ sau:
 - + Vận dụng kiến thức đã học từ các tiết trước để nêu sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp.
 - + Vận dụng hiểu biết cá nhân, thông tin đã học, viết ra vở các giải pháp quản lí, bảo vệ tài nguyên rừng.
- Bước 2: HS trao đổi với nhau, tự làm vào vở.
- Bước 3: HS đối chiếu thông tin trong SGK, hoàn thiện bài của mình.
- Bước 4: GV đánh giá, tổng kết nội dung.

3. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

- Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.
- Đang phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; hướng tới nông nghiệp thông minh; nông nghiệp bền vững, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.
- Phân bố sản xuất nông nghiệp thay đổi phù hợp với điều kiện sinh thái, dưới tác động của khoa học – công nghệ và thu hút đầu tư.

4. Giải pháp quản lí, bảo vệ tài nguyên rừng

- Xây dựng và thực hiện chính sách quản lí hệ sinh thái rừng, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững.
- Kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội.
- Giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.
- Đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, ven sông, rừng đầu nguồn,...
- Nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng cho người dân.
- Trao quyền sử dụng đất rừng lâu dài cho chủ sử dụng.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học về các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản để thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, tập hợp nội dung đã học về các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và trình bày thành bảng thông tin.
- Bước 2: HS lựa chọn những điểm nổi bật nhất về thế mạnh, hạn chế, hiện trạng phát triển và phân bố để điền vào bảng.

Các phân ngành	Thế mạnh, hạn chế	Hiện trạng phát triển	Phân bố
Trồng trọt			
Chăn nuôi			
Thủy sản			
Lâm nghiệp			

- Bước 3: Các HS cùng bàn trao đổi bài, nhận xét, góp ý cho nhau.
- Bước 4: GV đưa ra đáp án. HS tự hoàn thiện bài. GV nhận xét, tổng kết.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.

+ Nhiệm vụ: tìm hiểu 1 xu hướng phát triển nông nghiệp ở Việt Nam: nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ,...

– Bước 2: HS tự thực hiện tại nhà.

– Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp, Padlet, Google Drive.

– Bước 4: GV nhận xét, góp ý bài làm cho HS.

Phụ lục 1:

PHIẾU HỌC TẬP

Học sinh: Lớp:

Sự phát triển của ngành nông nghiệp:

– Thế mạnh, hạn chế:

.....
.....
.....

– Hiện trạng phát triển:

.....
.....
.....
.....

– Phân bố:

.....
.....
.....

– Xu hướng phát triển:

.....
.....
.....

Phụ lục 2:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nhóm: Lớp:

HS tự đánh giá các nhóm. Điểm tối đa cho mỗi nội dung: 20 điểm.

Nội dung đánh giá	Đánh giá các nhóm			
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm ...
Phân tích được đầy đủ và cụ thể ảnh hưởng của từng thế mạnh hạn chế				

Trình bày được cơ cấu, sự chuyển dịch cơ cấu (có số liệu, có minh chứng)				
Trình bày được sự phát triển từng phân ngành (có số liệu, có minh chứng)				
Trình bày được cụ thể sự phân bố của từng phân ngành, hoạt động sản xuất				
Nêu được rõ ràng xu hướng phát triển của ngành				
Tổng điểm				

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Dựa vào bảng 12.2, nhận xét sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta theo khai thác và nuôi trồng.

Câu 2. Dựa vào hình 11.2, hãy:

– Xác định:

+ Vùng trồng cây lương thực thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm:

+ Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả:

+ Vùng nông lâm kết hợp:

+ Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung:

+ Vùng rừng:

– Lập bảng thể hiện sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính ở nước ta.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.

2. Năng lực

– Năng lực chung: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.

– Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.

+ Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, thảo luận để tìm hiểu về một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.

3. Phẩm chất

Trung thực, có trách nhiệm đối với hoạt động nông nghiệp của cả nước và địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập, phiếu đánh giá.
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Gợi mở nội dung bài học mới.
- Khởi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV sử dụng hình ảnh về trang trại và vùng chuyên canh, đặt câu hỏi cho HS: *Quan sát kỹ 2 hình ảnh trên, mô tả cách thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo 2 hình ảnh đó.*

– Bước 2: HS quan sát hình ảnh, tìm câu trả lời.

- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: GV từ câu trả lời của HS dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu

Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm không quá 5 HS, thực hiện nhiệm vụ sau: Tìm hiểu và so sánh 3 hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp.

– Bước 2: HS làm việc theo nhóm, tìm hiểu từng hình thức tổ chức lãnh thổ, rút ra các tiêu chí so sánh và hoàn thành bảng thông tin:

Hình thức	Trang trại	Vùng chuyên canh	Vùng nông nghiệp
Khái niệm			
Hiện trạng			
Ý nghĩa			

– Bước 3: Các nhóm trao đổi bài, tự hoàn thiện bảng thông tin. HS đặt câu hỏi cho GV về những điều chưa hiểu rõ.

– Bước 4: GV phản hồi, trao đổi với HS và tổng kết nội dung.

Hình thức	Trang trại	Vùng chuyên canh	Vùng nông nghiệp
Khái niệm	Tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu (trừ đất đai) hoặc quyền sử dụng của một người chủ độc lập. Quy mô sản xuất tập trung lớn, trình độ kĩ thuật cao, sản xuất mang tính hàng hoá.	Tập trung phát triển một hoặc vài loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất, tạo ra khối lượng hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả cao.	Vùng có phạm vi rộng lớn, có sự tương đồng về điều kiện sản xuất, trình độ thâm canh, chuyên môn hoá giữa các vùng lãnh thổ của nước ta.
Hiện trạng	– Phát triển gắn liền với nền kinh tế sản xuất hàng hoá. Đến năm 2021, cả nước có 23 771 trang trại. – Tập trung ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.	Được hình thành quy mô lớn, tương đương với vùng nông nghiệp như các vùng chuyên canh cây công nghiệp, các vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm.	7 vùng sinh thái nông nghiệp: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Ý nghĩa	Phát huy được lợi thế, mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hàng hoá, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường.	Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá, tăng cường sử dụng máy móc, vật tư lớn, áp dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất.	Khai thác tốt nhất các điều kiện sản xuất; phân bổ hợp lý sản xuất nông nghiệp, phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.
---------	--	---	---

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

- củng cố kiến thức.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích bảng số liệu.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, thực hiện bài luyện tập trong SGK.
- Bước 2: HS hoàn thành bài vào vở.
- Bước 3: Một HS trình bày kết quả. Các HS trao đổi bài, nhận xét, góp ý.
- Bước 4: GV đưa ra đáp án. HS tự hoàn thiện bài. GV nhận xét, tổng kết.

- Quy mô trang trại: tăng.
- Cơ cấu số lượng trang trại có sự biến đổi:
 - + Trang trại trồng trọt, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại khác có tỉ trọng giảm.
 - + Trang trại chăn nuôi có tỉ trọng tăng.
 - + Năm 2011, trang trại trồng trọt chiếm tỉ trọng lớn nhất. Năm 2021, trang trại chăn nuôi chiếm tỉ trọng lớn nhất.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
- Bước 2: HS tự thực hiện tại nhà.
- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp, Padlet, Google Drive.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý bài làm cho HS.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Đọc kĩ đoạn văn bản và xác định Đúng hoặc Sai cho các nhận định sau:

“Vùng chuyên canh là vùng tập trung phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện kinh tế – xã hội nhằm tạo ra khối lượng hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Sản xuất ở vùng chuyên canh mang tính hàng hoá cao: sử dụng máy móc, vật tư lớn, áp dụng các tiến bộ khoa học, lao động có trình độ, sản phẩm hướng đến thị trường”

Nhận định	Đúng hoặc Sai
Vùng chuyên canh cây công nghiệp Tây Nguyên được hình thành trên cơ sở tài nguyên đất badan.	
Vùng chuyên canh dứa ở Bắc Trung Bộ cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm.	
Đông Nam Bộ áp dụng khoa học – công nghệ, tạo nên nguồn nguyên liệu lớn.	
Sản phẩm của vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm được tiêu dùng tại chỗ.	

Bài 14

THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VAI TRÒ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN; VẼ BIỂU ĐỒ VÀ NHẬN XÉT VỀ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

(Thời gian thực hiện dự kiến: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Năng lực

- Năng lực chung: phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua việc sẵn sàng tiếp nhận và nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: nêu được khái quát vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới.
 - + Tìm hiểu địa lí: từ bảng số liệu đã cho, vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

3. Phẩm chất

Chăm chỉ rèn luyện kỹ năng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Gợi mở nội dung bài học mới.
- Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV đặt câu hỏi dẫn dắt vào bài: *Hiện nay, nông nghiệp được xác định là bộ phận của nền kinh tế. Vậy biểu hiện cụ thể của vai trò “bộ đỡ” được thể hiện như thế nào?*

Quy mô và cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đang thay đổi ra sao?

- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời, có thể trao đổi với bạn cùng bàn.
- Bước 3: HS trả lời.
- Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động rèn luyện kĩ năng

a) Mục tiêu

- Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự làm ra giấy hai nhiệm vụ trong SGK.
- Bước 2: HS thực hiện:
 - + Nêu vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới ở nước ta.
 - + Vẽ biểu đồ:
 - Xác định dạng biểu đồ: tròn với bán kính khác nhau.
 - Xử lí số liệu: tính bán kính, tính tỉ trọng giá trị sản xuất các phân ngành nông nghiệp.
 - Vẽ biểu đồ
 - Nhận xét, giải thích biểu đồ đã vẽ.
- Bước 3: Sau khi HS làm xong, GV gợi ý một số HS nêu cách làm, những điều còn thắc mắc,...
- Bước 4: GV thu bài chấm, chữa cho HS.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Rèn luyện các kĩ năng làm việc với biểu đồ.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV đặt câu hỏi: *Vấn với bảng số liệu trên, nếu yêu cầu là: Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, thì dạng biểu đồ thích hợp nhất là gì?*
- Bước 2: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ tìm câu trả lời.

- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: GV nhận xét, kết luận.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kỹ năng đã học, thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS tìm hiểu vai trò của nông nghiệp đối với địa phương em sống.
- Bước 2: HS tự tìm hiểu bằng cách quan sát, đọc tài liệu,...
- Bước 3: Tại buổi học sau, HS trình bày những điểm độc đáo mình tìm hiểu được.
- Bước 4: GV góp ý, đánh giá sản phẩm và quá trình làm việc của HS.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

GV có thể gợi ý HS tìm hiểu các dạng biểu đồ có thể sử dụng để thể hiện cơ cấu kinh tế của một ngành